

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 29-01-2018

“ V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Oanh và bà Nguyễn Thị Bận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn-Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 481/2017/TLST-DS ngày 24/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn số 01/2018/QĐST-DS ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: 17 Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Đ.

Địa chỉ: 228 Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông H và bà H(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông H và bà H có vay vốn tại Ngân hàng T – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ; Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8653525/HĐTD ngày 14/6/2016, số tiền vay: 800.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 14/6/2016 đến ngày 14/6/2021; Mục đích vay là sửa chữa nhà ở và mua sắm nội thất; lãi suất là 11,5%/năm, chia làm 05 kỳ trả nợ, ngày 14/6/2017 trả 100.000.000 đồng gốc, ngày 14/6/2018 trả 100.000.000 đồng gốc; 14/6/2019 trả 200.000.000 đồng gốc; ngày 14/6/2020 trả 200.000.000 đồng gốc; ngày 14/6/2021 trả 200.000.000 đồng gốc và lãi vay định kỳ trả 01 tháng/lần vào ngày 14 hàng tháng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số AO 760982 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 24/6/2009, thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/4/2013 đứng tên ông H, thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 68, diện tích đất: 710,7m², đất tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; mục đích sử dụng: 200m² đất ở tại đô thị và 510,7m² đất trồng cây lâu năm.

Tính đến ngày 20/7/2017 ông H, bà H chưa thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền gốc nào và tính đến ngày 15/3/2017 ông H, bà H đã thanh toán được 69.766.667 đồng tiền lãi. Khoản vay đã quá hạn, Ngân hàng đã làm việc và yêu cầu ông H, bà H trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng ông H, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ của mình với Ngân hàng.

Dư nợ của khoản vay tạm tính đến hết ngày 20/7/2017 là 833.557.638 đồng, trong đó: 800.000.000 đồng tiền gốc và 33.557.638 đồng tiền lãi (lãi trong hạn: 32.966.666 đồng, lãi phạt: 590.972 đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà H phải trả toàn bộ dư nợ đã quá hạn tại Ngân hàng là 833.557.638 đồng vay trong đó: 800.000.000 đồng tiền gốc; Lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh đến ngày 20/7/2017 là 33.557.638 đồng tiền lãi (bao gồm: 32.966.666 đồng lãi trong hạn và 590.972 đồng lãi quá hạn). Và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt điểm nợ.

Nếu ông H, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T – Chi nhánh Đ yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

[2].Đối với bị đơn ông H: Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông H không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai chỉ có bị đơn bà H lên Tòa án làm việc, tại bản tự khai ngày 27/10/2017 bà H trình bày:

Bà H thừa nhận ông H và bà H có vay vốn tại T – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ với số tiền 800.000.000 đồng; Cụ thể: Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8653525/HĐTD ngày 14/6/2016, số tiền vay: 800.000.000 đồng, thời hạn

vay từ ngày 14/6/2016 đến ngày 14/6/2021, chia làm 05 kỳ trả nợ, ngày 14/6/2017 trả 100.000.000 đồng gốc, ngày 14/6/2018 trả 100.000.000 đồng gốc; 14/6/2019 trả 200.000.000 đồng gốc ngày 14/6/2020 trả 200.000.000 đồng gốc; ngày 14/6/2021 trả 200.000.000 đồng gốc, lãi vay định kỳ trả 01 tháng/lần vào ngày 14 hàng tháng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 760982 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 24/6/2009 thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/4/2013 đứng tên ông H, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 68, diện tích đất: 710,7m², đất tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; mục đích sử dụng: 200m² đất ở tại đô thị và 510,7m² đất trồng cây lâu năm.

Quá trình vay kể từ ngày 14/6/2016 cho đến nay vợ chồng tôi chưa trả được khoản tiền gốc cho Ngân hàng và lãi đã trả được 69.766.667 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng tôi phải trả toàn bộ dư nợ đã quá hạn tại Ngân hàng tổng cộng là 833.557.638 đồng tiền vay trong đó: 800.000.000 đồng tiền gốc; Lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh đến ngày 20/7/2017 là 33.557.638 đồng tiền lãi (bao gồm: 32.966.666 đồng lãi trong hạn và 590.972 đồng lãi quá hạn). Và tiếp tục trả lãi, phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt điểm nợ thì bà Hạnh đồng ý vì vợ chồng tôi làm ăn buôn bán thua lỗ nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ mất khả năng thanh toán nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định và xử lý tài sản thế chấp theo quy định vợ chồng không có ý kiến thắc mắc gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T – Chi nhánh Đ. Buộc bị đơn ông H và bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc và tiền lãi suất theo quy định, nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông H và bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H và bà H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét việc bị đơn ông H và bà H có ký vay của T – Chi nhánh Đ số tiền 800.000.000 đồng, Mục đích vay là sửa chữa nhà ở và mua sắm nội thất; lãi suất là 11,5%/năm là có căn cứ được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 01/2016/8653525/HĐTD ngày 14/6/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/8653525/HĐTD ngày 14/6/2016, công chứng, chứng thực ngày 14/6/2016, được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Buôn Ma Thuột ngày 14/6/2016. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ vì vậy Ngân hàng T – Chi nhánh Đ khởi kiện yêu cầu ông H, bà H phải thanh toán số tiền 800.000.000 đồng nợ gốc là đúng pháp luật. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, pháp luật của nhà nước. Theo nội dung hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì ông H, bà H phải thanh toán nợ cho nguyên đơn chia làm 05 kỳ trả nợ, ngày 14/6/2017 trả 100.000.000 đồng gốc, ngày 14/6/2018 trả 100.000.000 đồng gốc; 14/6/2019 trả 200.000.000 đồng gốc 14/6/2020 trả 200.000.000 đồng gốc; 14/6/2021 trả 200.000.000 đồng gốc nhưng đến hạn phía bị đơn ông H và bà H chưa trả được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng. Như vậy bị đơn ông H, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Vì vậy Ngân hàng T – Chi nhánh Đ khởi kiện yêu cầu ông H, bà H trả cho Ngân hàng là đúng pháp luật.

Cũng tại bản tự khai ngày 27/10/2017(BL số 34) bà H cũng thừa nhận, ông H, bà H có ký vay Ngân hàng T – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch Đ số tiền 800.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Do buôn bán làm ăn thua lỗ mất khả năng thanh toán nên đến hạn chưa trả được gốc và lãi cho Ngân hàng đúng hạn nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng T – Chi nhánh Đ khởi kiện ông H và bà H thì bà H đồng ý và đề nghị Tòa án xét xử và xử lý tài sản thế chấp theo quy định vì vợ chồng bà đã mất khả năng thanh toán.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự buộc bị đơn ông H và bà H thì bà H trả cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ số tiền vay gốc 800.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp luật.

[3] Về lãi suất: Xét hợp đồng vay tài sản các bên có thỏa thuận lãi suất 11,5%/năm và mức lãi suất quá hạn theo như thỏa thuận. Đến ngày 15/3/2017 ông H, bà H đã trả được 69.766.667 đồng tiền lãi. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất trong hạn đã trả:

- Lãi suất trong hạn từ ngày 14/6/2016 đến ngày 15/3/2017 là 275 ngày:

$800.000.000 \text{ đồng} \times 11,5\% \times 275 \text{ ngày} : 360 = 70.277778 \text{ đồng}$ (được trừ vào số tiền ngày 15/3/2017 đã trả 69.766.667 đồng, còn nợ lãi 511.110 đồng).

Lãi suất trong hạn chưa trả:

- Lãi suất trong hạn từ ngày 16/3/2017 đến ngày 20/7/2017 là 127 ngày:

$800.000.000 \text{ đồng} \times 11,5\% \times 127 \text{ ngày} : 360 = 32.455.556 \text{ đồng}$.

Lãi suất quá hạn chưa trả:

- Lãi suất quá hạn tính từ ngày 14/6/2017 đến ngày 20/7/2017 là 37 ngày:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 5,8\% \times 37 \text{ ngày} : 360 = 590.972 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi ông H, bà H còn có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ số tiền:

Cụ thể: $511.110 \text{ đồng} + 32.455.556 \text{ đồng} + 590.972 \text{ đồng} = 33.557.638 \text{ đồng}$ (đã được trừ số tiền 69.766.667 đồng trả ngày 15/3/2017).

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và lãi suất ông H, bà H còn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ là: 800.000.000 đồng nợ gốc và 33.557.638 đồng nợ lãi (tính đến ngày 20/7/2017). Tổng cộng là: 833.557.638 đồng.

Ông H và bà H còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8653525/HĐTD ngày 14/6/2016 kể từ ngày 21/7/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc.

- Về tài sản thế chấp: Sau khi ông H, bà H trả đủ toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng T – Chi nhánh Đ có trách nhiệm trả lại cho ông H, bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 760982 do UBND thành phố B cấp ngày 24/6/2009; thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/4/2013 đứng tên ông H, thửa đất số 30, tờ bản đồ số 68, diện tích đất: 710,7m², đất tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 350 Bộ luật dân sự 2005.

Trường hợp ông H và bà H không trả được số nợ cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số AO 760982 do UBND thành phố B cấp ngày 24/6/2009 thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/4/2013 đứng tên ông H, thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 68, diện tích đất: 710,7m², đất tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được xử lý phát mại theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi toàn bộ số nợ trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H và bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể là: 36.000.000 đồng + (3% x {833.557.638 đồng - 800.000.000 đồng}) = 37.006.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại Ngân hàng T – Chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí là 18.008.000 đồng theo biên lai số 0000144 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474, Điều 476 BLDS năm 2005.

Căn cứ khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ đối với giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T – Chi nhánh Đ.

Buộc ông H và bà H phải thanh toán trả cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ số tiền 833.557.638 đồng tiền vay; trong đó: 800.000.000 đồng tiền nợ gốc; Lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh đến ngày 20/7/2017 là 33.557.638 đồng tiền lãi (bao gồm: 32.966.666 đồng lãi trong hạn và 590.972 đồng lãi quá hạn) tính đến ngày 20/7/2017. Đồng thời ông H và bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/8653525/HĐTD ngày 14/6/2016; kể từ ngày 21/7/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngân hàng T – Chi nhánh Đ có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 760982 do UBND thành phố B cấp ngày 24/6/2009; thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/4/2013 cho ông H, bà H ngay khi ông H, bà H trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông H và bà H không trả được số nợ cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đ thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số AO 760982 do UBND thành phố B cấp ngày 24/6/2009; thay đổi cơ sở pháp lý ngày 22/4/2013 đứng tên ông H, thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 68, diện tích đất: 710,7m², đất tọa lạc tại

phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được xử lý phát mại theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi toàn bộ số nợ trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông H và bà H phải nộp: 37.006.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng T – Chi nhánh Đ số tiền tạm ứng án phí là 18.008.000 đồng theo biên lai số 0000144 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Văn Vĩ